

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT THÁNG 3/2026

“Xuất khẩu gạo đối diện nhiều khó khăn trong những tháng đầu năm 2026”

Thuộc nhiệm vụ:

Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại.

Hà Nội, tháng 3/2026

Xuất khẩu gạo đối diện nhiều khó khăn trong những tháng đầu năm 2026

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 2/2026, kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt 285 triệu USD, giảm 8,18% so với tháng trước và giảm đáng kể 20,59% so với tháng 2/2025; Giá trung bình gạo xuất khẩu đạt 458 USD/tấn, giảm 3,82% so với tháng trước; Sản lượng đạt 621,84 nghìn tấn, giảm 4,54% so với tháng trước và giảm 10,75% so với tháng 2/2025. Luỹ kế 2 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam sang các thị trường đạt 594,10 triệu USD, giảm 11,95% so với cùng kỳ năm 2025, tỷ trọng đạt 0,86% trong tổng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam; Sản lượng đạt 1,27 triệu tấn, tăng nhẹ 3,49%; Giá trung bình xuất khẩu đạt 467 USD/tấn, giảm 14,92%. Những thị trường xuất khẩu gạo chủ lực của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2026 lần lượt là Philippines, Trung Quốc, Ghana, Bờ Biển Ngà và Malaysia, với tỷ trọng lần lượt là 52,57%; 14,82%; 7,59%; 4,74% và 4,70%.

Về thị trường: Trong 2 tháng qua, Philippines tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của gạo Việt Nam, chiếm tỷ trọng 52,57% trong tổng xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu đạt 312,32 triệu USD, tăng 9,87% so với cùng kỳ năm 2025. Xếp ở vị trí thứ hai là thị trường Trung Quốc, với kim ngạch xuất khẩu gạo đạt 88,07 triệu USD, tăng rất mạnh 145,42% so với 2 tháng đầu năm trước. Ngoài ra, trong 2 tháng đầu năm 2026, Việt Nam còn xuất khẩu gạo sang các thị trường khác như Ghana, Bờ Biển Ngà và Malaysia với kim ngạch xuất khẩu lần lượt đạt 45,07 triệu USD; 28,17 triệu USD và 27,93 triệu USD.

Về chủng loại: Đứng đầu trong nhóm chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường trong 2 tháng đầu năm 2026 là gạo trắng, với lượng đạt 749,95 nghìn tấn, kim ngạch đạt 331,87 triệu USD, giảm 15,96% về lượng và giảm 29,31% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 55,83% trong tổng xuất khẩu. Xếp ở vị trí thứ hai là nhóm gạo thơm, với sản lượng đạt 399,26 nghìn tấn, tăng mạnh 44,90% và kim ngạch đạt 190,44 triệu USD, tăng 15,68% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 32,04%.

Yếu tố thuận lợi đầu tiên phải kể đến khi xuất khẩu gạo của Việt Nam sang các thị trường đó là điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu đặc biệt phù hợp với sự phát triển của cây lúa, trong đó phải kể đến hai vùng trồng lớn giàu chất dinh dưỡng là Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng; Khí hậu nhiệt đới gió mùa, với nhiệt độ và độ ẩm cao; Hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc giúp cung cấp nước quanh năm.

Yếu tố thuận lợi thứ hai đó là sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao từ Nhà nước đối với sản xuất gạo - xem đây là mặt hàng chiến lược gắn với an ninh lương thực quốc gia. Với định hướng chiến lược rõ ràng, Chính phủ đã triển khai các giải pháp quan trọng nhằm hỗ trợ sản xuất, nâng cao chất lượng, mở rộng thị trường xuất khẩu, đảm bảo cân bằng giữa an ninh lương thực và lợi ích của doanh nghiệp.

Bên cạnh những thuận lợi, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang các thị trường cũng phải ***đối mặt với không ít khó khăn***, đặc biệt là trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động khó lường như hiện nay, điển hình là sự cạnh tranh gay gắt với gạo từ các quốc gia xuất khẩu hàng đầu - nơi có nền nông nghiệp lâu đời như Ấn Độ, Pakistan, Philippines hay Thái Lan. Ngoài ra, sự thay đổi về chính sách nhập khẩu gạo từ một số đối tác chủ lực cũng gây áp lực lên xuất khẩu gạo của Việt Nam, như việc Ấn Độ nói lỏng hạn chế xuất khẩu gạo trong một số thời điểm, Philippines tạm dừng nhập khẩu gạo Việt Nam trong 60 ngày hay Indonesia có xu hướng đa dạng hoá nguồn cung nhằm giảm sự phụ thuộc vào các quốc gia ...

Năm 2026, thị trường gạo toàn cầu được dự báo gặp nhiều khó khăn do nguồn cung dồi dào và lượng tồn kho cao từ năm trước, khiến các doanh nghiệp nhập khẩu có xu hướng chờ đợi, chưa vội ký hợp đồng mới. Bên cạnh đó, căng thẳng tại Trung Đông và các yếu tố địa chính trị tiếp tục gây rủi ro cho thương mại gạo trong dài hạn. Trong thời gian tới, để tiếp tục gia tăng sản lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo, đồng thời khẳng định vị thế gạo Việt Nam trên thị trường quốc tế, các doanh nghiệp không chỉ cần có chiến lược giữ vững tại các thị trường chủ lực, mà còn phải mở rộng sự hiện diện tại một số thị trường có sức mua lớn và thị hiếu tiêu dùng đa dạng. Ngoài ra, các doanh nghiệp cần nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh trên thị trường, có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm trước khi xuất khẩu để đảm bảo đơn hàng theo đúng hợp đồng và trụ vững tại các thị trường khó tính.

Nội dung chi tiết:

Đánh giá tổng quan tình hình xuất khẩu gạo trong 2 tháng đầu năm 2026

Trong bối cảnh xung đột ở Trung Đông leo thang căng thẳng làm giá dầu tăng, ảnh hưởng đến giá vận chuyển và giá nguyên liệu đầu vào, Bộ Công Thương khuyến cáo các doanh nghiệp xuất khẩu nói chung và ngành lúa gạo nói riêng nên cẩn trọng và có biện pháp thích nghi để ứng phó với tình hình. Tình trạng thiếu hụt container rỗng phục

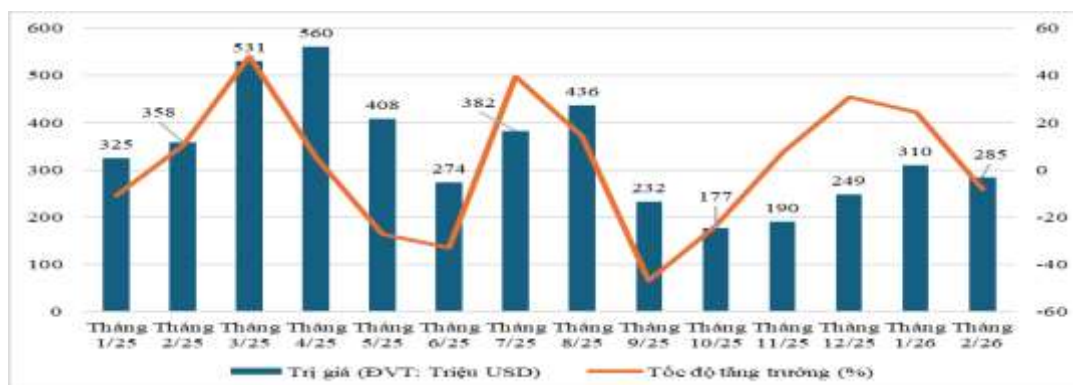
vụ đóng hàng số lượng lớn cũng đang gây khó khăn cho hoạt động xuất khẩu, từ đó ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo.

Năm 2025, hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam sang các thị trường nhìn chung có nhiều biến động, thiếu tính ổn định, có thể nhận định thành một xu hướng chung là tăng đầu năm – giảm mạnh giữa năm - và phục hồi dần vào cuối năm. Sang năm 2026, thị trường có những chuyển biến rõ rệt hơn theo hướng phục hồi nhưng chưa bền vững. Với chu kỳ dự trữ gạo cuối năm tại các nước, kim ngạch xuất khẩu gạo đã tăng trở lại trong hai tháng cuối năm 2025. Đến tháng 01/2026, đã phục hồi tiếp tục được duy trì, tuy nhiên, sang tháng 02/2026, kim ngạch xuất khẩu giảm, nguyên nhân chủ yếu là do giá gạo thế giới vẫn ở mức thấp và chưa ổn định, tác động của yếu tố mùa vụ khá rõ khi trùng với thời điểm dịp nghỉ năm mới tại thị trường tiêu thụ và kỳ nghỉ Tết nguyên đán tại Việt Nam, khiến hoạt động xuất khẩu và ký kết hợp đồng diễn ra chậm hơn so với tháng trước.

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 2/2026 đạt 285 triệu USD, giảm 8,18% so với tháng trước và giảm đáng kể 20,59% so với tháng 02/2025; Giá trung bình gạo xuất khẩu đạt 458 USD/tấn, giảm 3,82% so với tháng liền trước; Sản lượng đạt 621,84 nghìn tấn, giảm 4,54% so với tháng liền trước và giảm 10,75% so với tháng 02/2025.

Luỹ kế 2 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt 594,10 triệu USD, giảm 11,95% so với cùng kỳ năm 2025, tỷ trọng đạt 0,86% trong tổng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam; Sản lượng đạt 1,27 triệu tấn, tăng nhẹ 3,49%; Giá trung bình xuất khẩu đạt 467 USD/tấn, giảm 14,92%.

Biểu đồ 1: Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang các thị trường qua các tháng trong năm 2025-2026

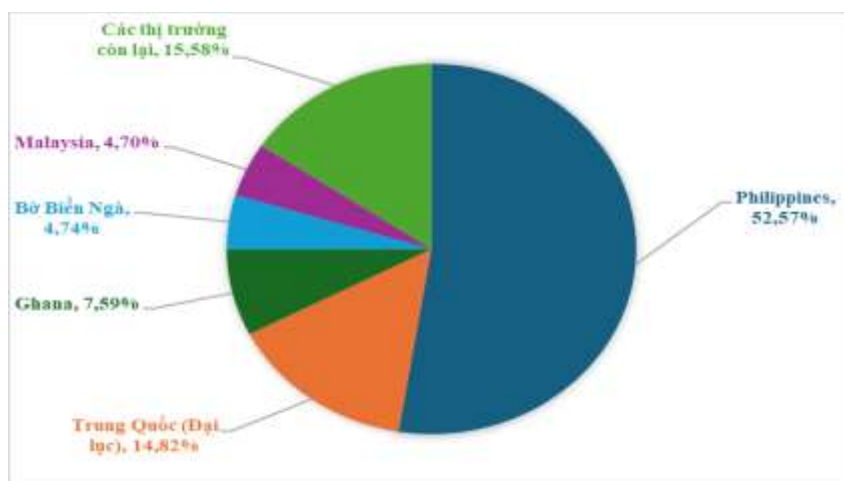


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, 5 thị trường xuất khẩu gạo chủ lực của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2026 lần lượt là Philippines, Trung Quốc, Ghana, Bờ Biển Ngà và Malaysia, với tỷ trọng lần lượt là 52,57%; 14,82%; 7,59%; 4,74% và 4,70%. Trong đó, tính riêng 3 thị trường Philippines, Trung Quốc và Ghana đã chiếm hơn 70% tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo hàng này của Việt Nam.

Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam 2 tháng đầu năm 2026 (Tỷ trọng % tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Philippines tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của gạo Việt Nam, chiếm 52,57% tổng kim ngạch. Đây cũng là thị trường duy nhất trong số 5 thị trường trên ghi nhận mức tăng so với tháng liền trước và tháng cùng kỳ năm 2025. Trong tháng 02/2026, xuất khẩu gạo sang thị trường này đạt 164,86 triệu USD, tăng 11,81% so với tháng 01/2026 và tăng nhẹ 3,77% so tháng 02/2025. Luỹ kế 2 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu gạo sang Philippines đạt 312,32 triệu USD, tăng 9,87% so với cùng kỳ năm 2025.

Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), mặc dù là thị trường chính song xuất khẩu gạo Việt Nam sang Philippines vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn khi nước này đang áp dụng đồng thời chính sách Vệ sinh và Kiểm dịch động thực vật (SPS) và cơ chế cấp hạn ngạch theo từng tháng. Vào tháng 01/2026, Bộ Nông nghiệp Philippines đã thành lập một nhóm công tác kỹ thuật về nhập khẩu gạo, nhằm tăng cường công tác quản lý và hướng đến mục tiêu cân bằng nguồn cung, ổn định giá cả, bảo vệ quyền lợi của người nông dân.

Xếp ở vị trí thứ hai là xuất khẩu tới thị trường Trung Quốc với kim ngạch trong tháng 02/2026 đạt 31,28 triệu USD, giảm mạnh 44,93% so với tháng 01/2026, nhưng tăng 19,86% so với tháng 02/2025. Luỹ kế 2 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu gạo sang Trung Quốc đạt 88,07 triệu USD, tăng rất mạnh 145,42% so với 2 tháng đầu năm trước, đây cũng là mức tăng mạnh nhất trong 5 thị trường đứng đầu so với cùng kỳ năm 2025. Thị trường Trung Quốc nổi lên như một điểm sáng quan trọng trong bức tranh xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2025, khi xuất khẩu tới các thị trường khác như Philippines hay Indonesia đều ghi nhận sụt giảm kim ngạch. Trong 2 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu tới thị trường này tiếp tục ghi nhận những kết quả tích cực khi kim ngạch tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính xuất phát từ nhu cầu đảm bảo an ninh lương thực và cân đối cung - cầu trong nước trong bối cảnh tình hình quốc tế có nhiều biến động.

Ngoài ra, trong 2 tháng đầu năm 2026, Việt Nam còn xuất khẩu gạo sang các thị trường khác như Ghana, Bờ Biển Ngà và Malaysia với kim ngạch xuất khẩu lần lượt đạt 45,07 triệu USD; 28,17 triệu USD và 27,93 triệu USD.

Đáng chú ý, xuất khẩu sang các thị trường Ả rập Xê út, Irắc và Brunây cũng ghi nhận mức tăng mạnh mặc dù quy mô xuất khẩu nhìn chung còn thấp. Trong đó, xuất khẩu tới Ả rập Xê út đạt 5,52 triệu USD, tăng 115,61%; Irắc đạt 132 nghìn USD, tăng 119,15% và Brunây đạt 84 nghìn USD, tăng 286,41% so với cùng kỳ năm 2025.

Ngược lại, xuất khẩu gạo sang 2 thị trường gồm Thổ Nhĩ Kỳ và Bangladesh ghi nhận mức giảm mạnh nhất so với cùng kỳ năm 2025, với mức giảm lần lượt là 99,41% và 99,86%.

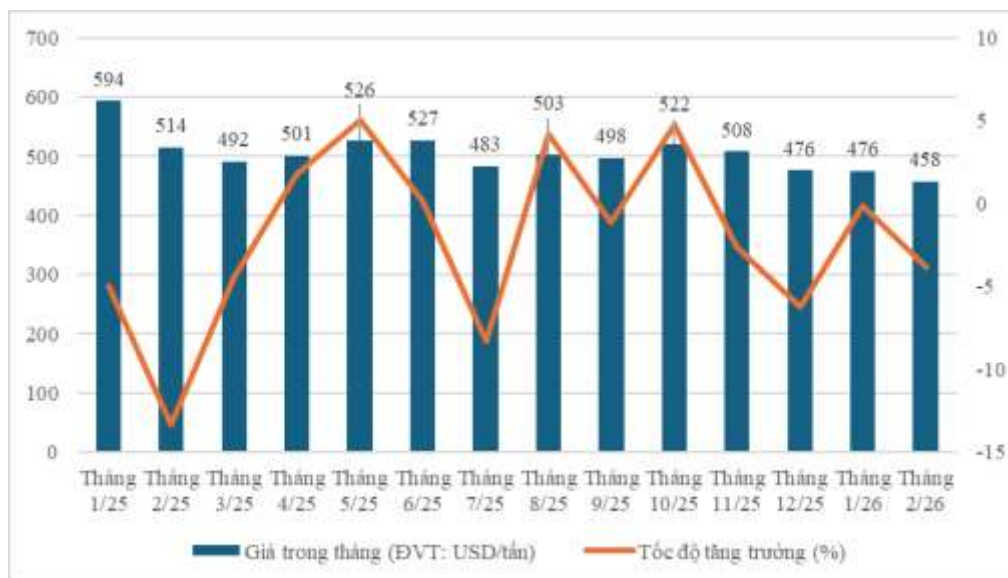
Bảng 1: Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 02 và 2 tháng đầu năm 2026

Thị trường	Tháng 02/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 01/2026 (%)	So với tháng 02/2025 (%)	2 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)
Tổng kim ngạch	284.536	-8,18	-20,59	594.095	-11,95	100,00
Philippines	164.864	11,81	3,77	312.317	9,87	52,57
Trung Quốc	31.279	-44,93	19,86	88.071	145,42	14,82
Ghana	17.772	-35,66	-38,14	45.069	-34,45	7,59

Thị trường	Tháng 02/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 01/2026 (%)	So với tháng 02/2025 (%)	2 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)
Bờ Biển Ngà	23.528	406,51	-60,03	28.173	-74,43	4,74
Malaysia	8.414	-56,88	20,49	27.925	76,92	4,70
Singapore	3.418	-28,65	-43,34	8.210	-40,08	1,38
Mozambique	217	-95,96	-85,41	5.585	-18	0,94
Ả Rập Xê Út	2.414	-22,22	141,07	5.517	115,61	0,93
UAE	2.167	-32,94	19,18	5.399	15,86	0,91
Hồng Kông (Trung Quốc)	1.318	-59,88	-60,68	4.604	-21,92	0,78
Australia	1.653	-17,99	-4,77	3.669	3,82	0,62
Hoa Kỳ	1.585	-23,91	-44,89	3.668	-30,62	0,62
Campuchia	960	-33,2	-60,58	2.401	-47,9	0,40
Ba Lan	766	113,36	75,42	1.125	-4,16	0,19
Hà Lan	590	10,46	23,65	1.124	-12,09	0,19
Nam Phi	435	-4,34	16,42	890	12,53	0,15
Indonesia	270	-55,13	-93,58	871	-80,87	0,15
Đài Loan (Trung Quốc)	158	-75,59	-77,96	805	-33,04	0,14
Pháp	266	-25,62	267,82	624	11,95	0,11
Nga	224	-28,01	-52,73	535	-15,26	0,09
Tây Ban Nha	110	-22,99	-42,54	252	-28,86	0,04
Chile	97	2,22	15,12	192	-83,8	0,03
Senegal	52	-56,84	-87,55	173	-60,82	0,03
I-rắc	0	-100	-100	132	119,15	0,02
Brunây	22	-63,89	2,52	84	286,41	0,01
Cộng hòa Tanzania	0	-100	-100	80	-88,04	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan

Biểu đồ 3: Diễn biến giá gạo xuất khẩu qua các tháng trong năm 2025-2026



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan

Cơ cấu chủng loại:

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, đứng đầu trong nhóm chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường trong 2 tháng đầu năm 2026 là gạo trắng, với lượng xuất khẩu đạt 749,95 nghìn tấn, kim ngạch đạt 331,87 triệu USD, giảm 13,56% về lượng và giảm 27,29% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025. Tính riêng trong tháng 02/2026, kim ngạch và sản lượng xuất khẩu nhóm hàng này đều tăng so với tháng liền trước, nhưng giảm đáng kể so với tháng 02/2025.

Xếp ở vị trí thứ hai là xuất khẩu nhóm gạo thơm, với sản lượng đạt 399,26 nghìn tấn, tăng mạnh 33,55% và kim ngạch đạt 190,44 triệu USD, tăng 7,77% so với cùng kỳ năm 2025. Đáng chú ý, nhóm gạo lứt tuy xếp ở vị trí thấp nhất trong các chủng loại gạo xuất khẩu, song sản lượng và kim ngạch đều ghi nhận mức tăng so với cùng kỳ năm 2025, tăng 148,69% về lượng và tăng 107,64% về trị giá.

Bảng 2: Chủng loại gạo xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong tháng 02/2026 và 2 tháng đầu năm 2026

Chủng loại	Tháng 02/2026		So với tháng 01/2026 (%)		So với tháng 02/2025 (%)		2 tháng đầu năm 2026		So với cùng kỳ năm 2025 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng XK	621.837	284.536	-4,54	-8,18	-10,75	-20,59	1.273.247	594.095	3,49	-11,95

Gạo trắng	393.853	170.715	10,60	5,93	-18,68	-28,17	749.951	331.869	-13,56	-27,29
Gạo thơm	179.440	84.878	-18,37	-19,59	-1,95	-16,21	399.264	190.436	33,55	7,77
Gạo nếp	25.878	14.189	-50,75	-49,65	20,83	10,80	78.422	42.368	119,95	99,14
Gạo giống Nhật	21.826	14.143	0,64	-0,36	173,88	125,79	43.513	28.337	5,27	0,89
Gạo lứt	827	601	-32,58	-24,15	180,07	170,37	2.053	1.394	148,69	107,64

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU GẠO CỦA VIỆT NAM

- Yếu tố thuận lợi

Yếu tố thuận lợi đầu tiên phải kể đến khi xuất khẩu gạo của Việt Nam sang các thị trường đó là điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu đặc biệt phù hợp với sự phát triển của cây lúa. Với hai vùng trồng lớn và màu mỡ, giàu chất dinh dưỡng là Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng; Cùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, với nhiệt độ và độ ẩm cao; Kết hợp với hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc giúp cung cấp nước quanh năm; tất cả đã tạo nên điều kiện tự nhiên thuận lợi rất phù hợp cho sự phát triển của cây lúa nước. Ngoài ra, sự phân hóa khí hậu giữa các vùng cũng giúp đa dạng giống lúa, tạo nên nhiều loại khác nhau như lúa thơm, lúa nếp, lúa chất lượng cao, lúa địa phương/bản địa ...

Nhờ đó, sau nhiều năm nỗ lực tìm tòi, nghiên cứu và thử nghiệm, chất lượng gạo Việt Nam đã từng bước được cải thiện và ngày càng đa dạng các phân khúc. Một trong những dấu mốc quan trọng đó là trong 6 tháng đầu năm 2025, Việt Nam đã chính thức vượt qua thị trường Thái Lan để trở thành quốc gia xuất khẩu gạo lớn thứ 2 toàn cầu. Như vậy, với điều kiện tự nhiên thuận lợi cùng kinh nghiệm trồng lúa nước, người nông dân Việt Nam đang ngày càng thích ứng linh hoạt hơn với tình hình thời tiết, đồng thời chủ động áp dụng những tiến bộ của khoa học kỹ thuật (như giống mới, cơ giới hoá, canh tác thông minh ...) vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm và chinh phục lòng tin của người tiêu dùng.

Yếu tố thuận lợi thứ hai đó là sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao từ Nhà nước đối với sản xuất gạo – xem đây là mặt hàng chiến lược gắn với an ninh lương thực quốc gia. Với định hướng chiến lược rõ ràng, Chính phủ đã triển khai các giải pháp quan trọng nhằm hỗ trợ sản xuất, nâng cao chất lượng, mở rộng thị trường xuất khẩu, đảm bảo cân bằng giữa an ninh lương thực và lợi ích của doanh nghiệp. Điển hình như, Thủ

tướng Chính phủ đã ký Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 5/8/2023 về việc đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia và thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo bền vững trong giai đoạn hiện nay; Quyết định số 1490/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”... Kết quả sau 2 năm triển khai, Đề án phát triển bền vững một triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp tại Đồng bằng sông Cửu Long đã đạt nhiều kết quả tích cực, với diện tích thực hiện vượt 197% mục tiêu của giai đoạn đầu. Những chuyển biến khả quan trong tổ chức sản xuất, ứng dụng phương pháp và kỹ thuật canh tác tiên tiến cùng việc hình thành chuỗi giá trị bền vững đã mở ra hướng đi mới cho ngành gạo Việt Nam trong bối cảnh phát triển xanh đang ngày càng hiện diện sâu rộng hơn tại các quốc gia. Bên cạnh đó, sự phối kết hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp trong việc thực thi, ứng dụng và cập nhật những ưu đãi thuế quan từ các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) cũng góp phần rất lớn vào việc nâng cao cơ hội xuất khẩu và khẳng định thương hiệu gạo Việt tại các thị trường tiềm năng trên toàn cầu.

- *Yếu tố khó khăn*

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi, xuất khẩu gạo của Việt Nam cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, đặc biệt là trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động khó lường như hiện nay. Mặc dù có ưu thế về điều kiện sản xuất, chất lượng sản phẩm, song gạo Việt Nam vẫn phải cạnh tranh gay gắt với gạo từ các quốc gia xuất khẩu hàng đầu – nơi có nền nông nghiệp lâu đời như Ấn Độ, Pakistan, Philippines hay Thái Lan. Trong khi Ấn Độ luôn giữ vị trí số 1 toàn cầu về xuất khẩu gạo nhờ lợi thế sản lượng lớn và giá thành thấp, Thái Lan nổi tiếng thế giới về thương hiệu và chất lượng cao cấp, thì gạo Việt Nam phải nỗ lực cạnh tranh khi vừa phải giữ chân tệp khách hàng thuộc phân khúc trung bình lại vừa phải không ngừng áp dụng kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng để tiếp cận với nhóm phân khúc cao hơn. Áp lực cho các doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là nhóm vừa và nhỏ ngày càng cao, khi yếu tố về chi phí và tài chính để đầu tư luôn là rào cản lớn với nhiều doanh nghiệp.

Ngoài ra, xuất khẩu gạo còn phải chịu áp lực trực tiếp từ chính sách của một số đối tác lớn, như việc Ấn Độ nói lỏng hạn chế xuất khẩu gạo trong một số thời điểm, Philippines tạm dừng nhập khẩu gạo Việt Nam trong 60 ngày (gạo xay xát thường, gạo xay xát kỹ - không bao gồm các giống gạo đặc sản không được nông dân địa phương sản

xuất phổ biến), hay Indonesia có xu hướng đa dạng hoá nguồn cung nhằm giảm sự phụ thuộc vào các quốc gia. Chiến sự giữa Nga – Ukraine hay xung đột căng thẳng tại khu vực Trung Đông thời gian gần đây đã, đang và sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam, trong đó có mặt hàng gạo. Tình hình căng thẳng tại Trung Đông đã tạo ra những tác động rõ rệt đến thương mại gạo toàn cầu. Mặc dù Trung Đông không phải thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam, nhưng khu vực này vẫn đóng vai trò nhất định trong cơ cấu xuất khẩu; khi bất ổn xảy ra, doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với rủi ro giao hàng, chi phí vận chuyển tăng.

Một số chính sách, quy định tác động đến xuất khẩu gạo:

Tại Việt Nam:

Ngày 19/3/2026, Bộ Công Thương đã ban hành Chỉ thị số 08/CT-BCT về tăng cường thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo trong tình hình mới. Chỉ thị được ban hành nhằm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 21/CĐ-TTg về điều hành sản xuất và tiêu thụ lúa gạo, đồng thời quán triệt nguyên tắc điều hành xuất khẩu gạo phải gắn chặt với ổn định thị trường trong nước, bảo đảm an ninh lương thực và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh theo hướng bền vững. Theo Chỉ thị 08, Bộ Công Thương yêu cầu các đơn vị thuộc Bộ, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố, Hiệp hội Lương thực Việt Nam và các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ; đồng thời chủ động phối hợp, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, bảo đảm thống nhất trong điều hành từ trung ương đến địa phương.

Chỉ thị 08 cũng nhấn mạnh vai trò của Sở Công Thương các địa phương trong việc phối hợp với ngành nông nghiệp tổ chức sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường; khuyến khích phát triển các giống lúa chất lượng cao, nâng cao giá trị gia tăng, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp trong khâu thu mua, chế biến và tiêu thụ lúa gạo. Đối với các doanh nghiệp, Chỉ thị yêu cầu thực hiện nghiêm các quy định về thu mua, dự trữ và bảo đảm chất lượng hàng hóa; chủ động theo dõi diễn biến thị trường, xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp, đồng thời tăng cường quản trị rủi ro trong hoạt động xuất khẩu, bảo đảm hiệu quả và tính bền vững trong dài hạn.

Tại thị trường quốc tế:

Trong tháng 1/2026, Tổng Giám đốc Cơ quan hậu cần quốc gia (Bulog) cho biết cơ quan này được giao chuẩn bị khoảng 01 triệu tấn gạo chất lượng cao để sẵn sàng xuất khẩu trong năm 2026, trong trường hợp được Tổng thống phê duyệt chính thức. Với mục tiêu sản lượng gạo cả nước năm 2026 là 34,7 triệu tấn, lượng gạo tồn ước tính vào cuối năm 2026 sẽ đạt 16,194 triệu tấn. Theo Tổ chức Nông Lương-FAO, sản lượng gạo của Indonesia trong năm 2026 có thể đạt tới 36 triệu tấn. Trong bối cảnh đó, ngày 31/12/2025, Bộ Điều phối lương thực Indonesia cho biết không cấp hạn ngạch nhập khẩu gạo trong năm 2026. Định hướng thị trường xuất khẩu mà Indonesia đang nghiên cứu là các nước trong khu vực Đông Nam Á. Mặc dù kế hoạch xuất khẩu gạo của Indonesia hiện mới dừng ở mức tuyên bố định hướng và còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố (sản lượng thực tế, giá thành, khả năng cạnh tranh), nhưng trong trung hạn, Indonesia có thể nổi lên như một đối thủ cạnh tranh mới tại thị trường ASEAN, đặc biệt ở phân khúc gạo chất lượng cao.

Hiện Indonesia đang đặt mục tiêu giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung lương thực nước ngoài. Indonesia cũng đang chuẩn bị áp dụng chính sách “một giá gạo” từ năm 2026 nhằm thu hẹp chênh lệch giá lớn giữa khu vực phía Tây và Đông.

Theo đó, Chính phủ sẽ chi trả chi phí vận chuyển, còn giá gạo được giữ theo phân loại chất lượng, gạo trung bình ở mức 13.500 Rp/kg, gạo cao cấp 14.900 Rp/kg và gạo trợ giá theo chương trình bình ổn nguồn cung và giá lương thực (SPHP) là 11.000–12.000 Rp/kg. Đến cuối năm 2026, Cơ quan hậu cần nhà nước Indonesia (Bulog) kỳ vọng tổng dự trữ đạt khoảng 7 triệu tấn, trong đó 1 triệu tấn dành cho xuất khẩu. Indonesia cũng dự kiến tăng lượng thu mua gạo lên 4 triệu tấn trong năm 2026, cao hơn khoảng 25% so với năm 2025, nhằm tăng cường an ninh lương thực và ổn định thị trường nội địa.

Triển vọng xuất khẩu:

Trong năm 2026, thị trường lúa gạo toàn cầu được cảnh báo sẽ gặp nhiều khó khăn và bất lợi khi nguồn cung tại các thị trường khá dồi dào. Bên cạnh đó, tình hình xung đột leo thang căng thẳng tại khu vực Trung Đông diễn biến phức tạp nhiều khả năng sẽ ảnh hưởng đến ngành gạo trong dài hạn.

Tại một số quốc gia, lượng gạo tồn kho từ năm trước chuyển sang ở mức cao, do đó các doanh nghiệp nhập khẩu chưa vội mua thêm hoặc ký kết các hợp đồng mới mà

chủ yếu ở trạng thái chờ và quan sát tình hình. Nhìn chung, những hợp đồng mới vào các tháng đầu năm chưa dồi dào như kỳ vọng, phần lớn là các đơn hàng nhỏ lẻ, không mang lại giá trị cao, điều này ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu gạo trong nước nói chung. Kỳ vọng trong các tháng tiếp theo, hợp đồng xuất khẩu gạo sẽ lạc quan hơn, doanh nghiệp sẽ tiếp cận thêm nhiều tệp khách hàng mới tại các thị trường tiềm năng ở khu vực châu Á.

Dự báo, năm 2026, lượng gạo toàn cầu đạt 60,6 triệu tấn, tồn kho gạo cuối kỳ toàn cầu niên vụ 2025/2026 đạt 217,7 triệu tấn. Theo báo cáo Chỉ số giá gạo toàn cầu (FARPI) tháng 2/2026 của Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực Liên hợp quốc (FAO), giá gạo toàn cầu tăng nhẹ vào đầu năm 2026, chủ yếu do nhu cầu mạnh đối với các loại gạo thơm. Tuy nhiên, mức giá này vẫn thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025 do nguồn cung dồi dào và giao dịch kém sôi động tại hầu hết các nước xuất khẩu lớn.

Như vậy, trong thời gian tới, để tiếp tục gia tăng sản lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo, đồng thời khẳng định vị thế gạo Việt Nam trên thị trường quốc tế, các doanh nghiệp không chỉ cần có chiến lược giữ vững tại các thị trường chủ lực như Philippines, Trung Quốc..., mà còn cần mở rộng sự hiện diện tại một số nhóm thị trường tiềm năng trong khu vực châu Á như Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản ... Đây đều là những thị trường có khoảng cách địa lý gần, sức mua lớn, thị hiếu tiêu dùng đa dạng, khá tương đồng với thói quen ăn uống của người Việt Nam, nhất là ở những dòng gạo chủ lực như gạo trắng, gạo nếp, gạo thơm. Ngoài ra, nhu cầu sản xuất bền vững cùng những quy định nghiêm ngặt về chất lượng của các thị trường khó tính cũng đòi hỏi các doanh nghiệp phải nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh trên thị trường, có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm trước khi xuất khẩu để đảm bảo đơn hàng theo hợp đồng và giữ chân khách hàng lâu dài.